**Phân tích Tràng Giang Huy Cận – Mẫu 10**

Huy Cận là một trong số những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới với một “hồn thơ ảo não”. Thơ của Huy Cận luôn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bởi những khung cảnh thiên nhiên hoang vắng, mênh mang và luôn thấm đẫm một nỗi buồn. Bài thơ “Tràng giang” in trong tập “Lửa thiêng” là một trong số những sáng tác tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận.

“Tràng giang” để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc ngay từ nhan đề và câu thơ đề từ của tác phẩm. Nhan đề bài thơ là một từ Hán Việt mang sắc thái cổ kính, với nghĩa là sông dài. Nhưng đặc biệt ở chỗ, tác giả không sử dụng “trường giang” là dùng là “tràng giang” với hai vần “ang’ - hai vần vần mở, có độ vang, độ ngân xa liên tiếp nhau, điều đó đã gợi lên trong cảm nhận của người đọc hình ảnh một con sông vừa dài vừa rộng. Thêm vào đó, câu thơ đề từ của tác phẩm “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” cũng đã khái quát một cách ngắn gọn, đầy đủ tình và cảnh trong bài thơ đó chính là bức tranh thiên nhiên với trời rộng, sông dài và cảm xúc bao trùm toàn bộ bài thơ đó chính là nỗi nhớ, niềm bâng khuâng cùng nỗi buồn như lan tỏa vào trong mọi cảnh vật.

Từ nhan đề và câu thơ đề từ của bài thơ, khổ thơ thứ nhất đã mở ra một không gian sông nước sông nước rộng lớn. Câu thơ mở đầu khổ thơ thứ nhất đã mở ra một hình ảnh sông nước mênh mang.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

Dường như, dòng sông “tràng giang” đã dài nay lại như trải dài ra hơn với từng đợt sóng “điệp điệp” cứ nối đuôi nhau vỗ vào bờ không ngừng nghỉ, không dứt. Những đợt sóng ấy như trải dài đến vô tận càng tô đậm thêm không gian rộng lớn, bao la của sông nước. Và để rồi, trên cái nền sông nước mênh mông ấy, hình ảnh con thuyền hiện lên thật nhỏ nhoi, cứ thế “xuôi mái nước song song”. Hình ảnh đối lập giữa không gian sông nước mênh mông với hình ảnh con thuyền nhỏ bé càng gợi lên trong chúng ta sự cô đơn, le loi. Đặc biệt, khổ thơ thứ nhất còn để lại ám ảnh sâu sắc trong lòng người đọc bởi hai câu thơ cuối của khổ thơ.

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng*

Từ xưa cho đến nay, thuyền và nước là hai hình ảnh luôn đi liền với nhau, ấy vậy mà ở đây dường như thuyền và nước như có một nỗi buồn chia lìa đang đón đợi. Có lẽ bởi thế mà cảnh vật ấy càng khiến cho lòng “sầu trăm ngả”. Đặc biệt, giữa cảnh sông nước mênh mông ấy, hình ảnh “củi một cành khô lạc mấy dòng” gợi lên trong lòng người đọc ám ảnh khôn nguôi về cõi nhân sinh, lạc lõng, bơ vơ, không biết rồi sẽ trôi dạt về đâu bởi trăm dòng mênh mông vô định. Như vậy, trong khổ thơ thứ nhất, nếu ví dòng tràng giang là dòng đời vô tận thì hình ảnh con thuyền, cành củi khô chính là hình ảnh tượng trưng cho kiếp người nhỏ nhoi, vô định. Đồng thời, khổ thơ cũng gợi lên nỗi buồn không nguôi, không dứt của tác giả.

Nếu trong khổ thơ mở đầu của bài thơ, tác giả vẽ nên không gian sông nước mênh mông thì trong khổ thơ thứ hai, tác giả lại mở ra không gian nơi cồn nhỏ. Hai câu thơ mở đầu khổ thơ thứ hai đã vẽ nên một không gian hoang vắng, hiu quạnh.

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,*

*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*

Với việc sử dụng nghệ thuật đảo ngữ cùng từ láy “lơ thơ”, “đìu hiu” đặc biệt gợi cảm tác giả đã vẽ nên một bức tranh nơi cồn nhỏ vừa thưa thớt, hoang vắng, lạnh lẽo vừa gợi nên một nỗi buồn mênh mang. Thêm vào đó, sự hoang vắng, tĩnh mịch của không gian như càng được tô đậm thêm qua câu thơ “đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”. Có thể nói, đây là một câu thơ có nhiều cách hiểu, “đâu” là đâu có, là phủ nhận âm thanh của tiếng chợ chiều hay là đâu đó, gợi lên âm thanh yếu ớt của tiếng chợ. Nhưng có lẽ dẫu hiểu theo cách nào đi chăng nữa thì câu thơ vẫn gợi lên trong lòng người đọc nỗi buồn, sự hoang vắng, tàn tạ, thiếu vắng đi sự sống của con người. Nếu hai câu thơ đầu khổ hai gợi lên không gian cồn nhỏ vắng vẻ, hiu quạnh thì dường như trong câu ba và câu bốn, không gian ấy như được mở rộng cả về bốn phía làm cho cảnh vật vốn đã vắng vẻ lại càng thêm cô liêu và tĩnh mịch hơn.

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu*

Trong hai câu thơ, tác giả dùng “sâu chót vót” thay vì “cao chót vót” bởi lẽ chữ “sâu” không chỉ tả cảnh mà còn tả tình, nó không chỉ gợi lên một khoảng không gian rộng lớn, thẳm thẳm mà còn gợi lên cả nỗi buồn, sự cô đơn đến tột cùng của lòng người trước cái mênh mông, hoang vắng của cảnh vật.

Như vậy, trong hai khổ thơ đầu của bài thơ, nỗi buồn của nhà thơ như bao phủ lên mọi cảnh vật, lên không gian rộng lớn và mênh mông. Và để rồi, trong khổ thơ thứ ba của bài thơ, tác giả lên trở về với không gian sông nước với khung cảnh mênh mang, đìu hiu, thiếu vắng đi sự sống của con người.

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng*

*Mênh mông không một chuyến đò ngang*

*Không cầu gợi chút niềm thân mật*

*Lặng lẽ bờ xanh tiếp bài vàng*

Hình ảnh “bèo dạt về đâu hàng nối hàng” một lần nữa gợi lên trong người đọc hình ảnh về kiếp người, cõi nhân sinh trôi nổi, không biết rồi sẽ đi đâu, về đâu. Thêm vào đó, khổ thơ với việc sử dụng nghệ thuật phủ định lặp lại nhiều lần đã nhấn mạnh sự hiu quạnh, thiếu sự sống của cảnh vật. Lẽ thường, chúng ta vẫn thường thấy rằng, thuyền và cầu là những phương tiện, những hình ảnh thể hiện sự giao lưu, kết nối giữa con người với con người, giữa miền đất này với miền đất khác nhưng ở đây “không một chuyến đò”, “không một cây cầu”. Dường như, ở nơi đây chẳng có bất cứ thứ gì gắn kết đôi bờ với nhau, nó thiếu đi dấu vết của sự sống, của bóng hình con người và hơn hết là tình người, mối giao hòa, thân mật giữa con người với nhau. Có lẽ bởi thế mà hai bờ của dòng sông cứ thể chạy dài, chạy dài mãi mà chẳng bao giờ gặp nhau, chỉ còn lại ở nơi đây những bờ xanh, những bãi vàng nối tiếp nhau - một bức tranh đẹp nhưng tĩnh lặng và thật buồn.

Nếu trong ba khổ thơ trên, tác giả vẽ nên một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hoang vắng với nỗi buồn, cô đơn thì trong khổ thơ cuối cùng, tác giả đã thêm vào cho bức họa thiên nhiên ấy một gam màu mới và ẩn sau đó là nỗi nhớ quê hương da diết, cháy bỏng của tác giả.

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc*

*Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiểu sa*

*Lòng quê dờn dợn vời con nước*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Hai câu thơ đầu khổ thơ cuối đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên chiều tà với vẻ đẹp hùng vĩ, nên thơ. Hình ảnh những đám mây trắng cứ hết lớp này đến lớp khác nối tiếp nhau “đùn” lên dưới ánh nắng chiều như tạo nên những quả núi dát bạc. Dường như chỉ với một câu thơ thôi nhưng tác giả đã tạo nên một bức tranh thật đẹp. Và để rồi, trên cái nền thiên nhiên hùng vĩ ấy, hình ảnh cánh chim xuất hiện như ánh lên một tia ấm áp cho cảnh vật song nó vẫn không làm vơi đi nỗi buồn trong sâu thẳm tâm hồn của nhà thơ. Dường như, sự đối lập giữa cái nhỏ bé của cánh chim chiều với sự rộng lớn, hùng vĩ của “lớp lớp mây cao” càng làm không gian như rộng hơn và nỗi buồn, sự cô đơn của nhà thơ cũng thế tăng lên. Và để rồi, trước không gian ấy, trong lòng nhà thơ hiện lên nỗi nhớ quê hương da diết, cháy bỏng. Hình ảnh “dờn dợn vời con nước” không chỉ tả những đợt sóng lan xa mà hơn thế nó còn gợi lên cảm giác buồn nhớ đến vô tận của nhà thơ - nỗi buồn của người xa xứ đang nhớ quê hương da diết. Đặc biệt, câu thơ đậm chất cổ điển khép lại bài thơ đã diễn tả một cách chân thực và rõ nét niềm thương nhớ quê hương đất nước của nhà thơ và tâm trạng ấy cũng chính là tâm trạng thường gặp ở tầng lớp tiểu tư sản thời bấy giờ.

Tóm lại, “Tràng giang” của Huy Cận với sự kết hợp giữa màu sắc cổ điển và màu sắc hiện đại cùng những hình ảnh thơ độc đáo đã gợi lên trong chúng ta nỗi buồn, sự cô đơn của một cái tôi trước khung cảnh thiên nhiên bao la, rộng lớn và đặc biệt đó chính là tấm lòng tha thiết với quê hương, với đất nước. Đọc bài thơ, giúp chúng ta hiểu vì sao Xuân Diệu từng đánh giá “Tràng giang là một bài thơ ca hát non sông, đất nước, do đó dọn đường cho lòng yêu giang sơn, Tổ quốc”.